TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 30-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô và Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phượng – Thư ký viên Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Long - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 116/2023TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Xuân Q, sinh năm 1991; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: KDC P, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Đỗ Thị Q1; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn; có vợ: Trần Thu T1 và 01 con sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt bắt tạm giam từ ngày 08/8/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn T2, sinh năm 1985; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Trần Thị L; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; có vợ: Vũ Thị T3 và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/8/2023. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã K. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Vi Thị B, sinh năm 1988; tại Yên Bái

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn C V, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Không; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn T4 và bà Nguyễn Thị V; gia đình bị cáo có 03 chị em, bị can là con lớn; có 01 con sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo có Hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của xã P.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/8/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo B: Bà Lê Thị Thu H1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm TGPLNN tỉnh H. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Người làm chứng

+ Anh Ngô Văn T5, sinh năm 1992.

+ Chị Lương Thị T6, sinh năm 1996.

+ Anh Đỗ Văn T7, sinh năm 1981.

Những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 04/08/2023, Lê Xuân Q đang ở nhà thì có Ngô Văn T5 đến chơi. T5 và Q rủ nhau đi hát tại quán K ở thôn T, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Q và T5 đến quán K gặp Phạm Văn T2 (là chủ quán), Quyền thuê phòng hát và 02 nhân viên nữ phục vụ rót bia, bấm bài. Toán hướng dẫn Q và T5 vào phòng hát Vip 5, rồi bảo 2 nhân viên là Vi Thị B và Lương Thị T6 vào phòng hát Vip 5 phục vụ. Quá trình hát thì Q nảy sinh ý định sử dụng chất ma túy lên hỏi B: *"có lấy được ma túy "kẹo" và "ke"* không?", B nói: "*để nhờ T2 chủ quán*", Q hỏi B "*4 viên ma túy kẹo và 1 túi ma tuý Ke bao nhiêu tiền*", B nói *"khoảng 3.000.000 đồng"*. Quyền lấy 3.500.000 đồng đưa cho B để đưa cho T2, nhờ T2 mua hộ 04 viên ma túy "kẹo" và 01 chỉ ma tuý "ke" để những người trong phòng hát sử dụng, tiền còn thừa để trừ vào tiền phòng hát. B cầm tiền đi ra gặp T2, đưa cho T2 số tiền 3.500.000 đồng và nói với T2 là khách nhờ mua hộ "*04 viên kẹo và 01 chỉ ke*", tiền có thừa Toán cứ giữ tý trừ tiền phòng hát. T2 đồng ý rồi sử dụng điện thoại gọi cho Đỗ Văn T7 hỏi mua 04 viên ma túy "kẹo" và 01 chỉ ma tuý "ke" và hỏi giá tiền. Thuấn nói hết 3.000.000 đồng, T2 đồng ý và hẹn T7 cầm ma tuý đến quán K. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, T7 đến quán karaoke Anh E vào phòng ngủ của T2 đưa cho T2 01 bao thuốc lá Thăng Long, Toán kiểm tra thấy bên trong có 04 viên dạng nén và 01 túi ni lông bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, được gói bằng giấy vệ sinh màu trắng. T2 đưa cho T7 số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó T2 đi ra phòng lễ tân thì thấy T6 trong phòng hát đi ra ngoài đi vệ sinh, T2 đưa cho T6 bao thuốc lá trên và nhờ T6 cầm vào phòng hát cho khách; T6 nghĩ là thuốc lá khách gọi, không biết bên trong bao thuốc lá có chất ma tuý nên đồng ý cầm vào trong phòng để trên mặt bàn. Khoảng 15 phút sau, Q cầm bao thuốc lá lấy ra 04 viên ma túy "kẹo" mời T5, T6 sử dụng thì T5, T6 mỗi người cầm 01 viên sử dụng bằng hình thức uống. Quyền tự lấy sử dụng 01 viên; còn 01 viên Quyền bẻ làm 02 phần, đưa cho B 01 phần, B sử dụng bằng hình thức uống, 01 phần còn lại Quyền sử dụng hết.

Sau khi sử dụng hết ma túy "kẹo", Q nói với T6 và B "đi lấy đĩa sứ"; lúc này T6 đang rót bia cho khách còn B đang ngồi cạnh Quyền, B đứng dậy định đi ra để lấy đĩa sứ thì T6 nói với B:"lấy đĩa sứ và lấy cuộn giấy vệ sinh" (T6 không biết mục đích lấy đĩa sứ để đựng ma tuý "ke"). B đi ra ngoài xuống gian bếp lấy

01 đĩa sứ tròn màu trắng và 01 cuộn giấy vệ sinh cầm vào trong phòng hát. Sau đó, Q lấy đĩa sứ hơ lửa cho đĩa khô và nóng rồi lấy túi ni lông chứa ma túy "ke" đổ hết vào ra đĩa và lấy 01 thẻ nhựa cứng ATM của Quyền để nghiền nhỏ ma túy. Quyền lấy tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng của Q cuộn tròn thành ống hút, còn B lấy 03 vỏ đầu lọc điếu thuốc lá để cố định tờ tiền thành ống hút. Sau đó, Q dùng thẻ ATM chia nhỏ số ma túy thành từng đường nhỏ rồi bê đĩa ma tuý đi mời T5, T6, B sử dụng, thì T5, T6, B mỗi người sử dụng 02 đường ma túy bằng cách đưa ống hút vào mũi hít. Quyền cầm điện thoại soi đèn cho mọi người sử dụng ma túy; Q cũng tự sử dụng ma tuý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì T5 và T6 đi ra khỏi phòng hát để đến nhà nghỉ thuê phòng nghỉ. Đến 21 giờ 45 phút cùng ngày thì Tổ Công tác thuộc Công an thị xã K phối hợp với Công an xã Q kiểm tra, phát hiện. Thu giữ trên bàn 01 túi nylon màu trắng, bên trong có bám dính chất tinh thể màu trắng (được niêm phong ký hiệu M1); 01 ống hút được cuộn từ tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng trên mặt tờ tiền có bám dính chất tinh thể màu trắng (được niêm phong ký hiệu M2); 01 thẻ nhựa cứng (loại thẻ ngân hàng V1 mang tên LE XUAN QUYEN), trên cạnh thẻ có bám dính chất tinh thể màu trắng (được niêm phong ký hiệu M3). Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, T2 đã tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng (là số tiền Q đưa cho B mua ma túy còn thừa để trả tiền thuê phòng hát và thuê nhân viên) và 01 chiếc đĩa sứ hình tròn màu trắng, đường kính 20 cm, dưới đĩa có bám dính muội đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng số IMEI: 356170097585286 bên trong lắp sim: 0987.372.864 của Phạm Văn T2; thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 pro max màu tím, dung lượng 128GB, số IMEI: 357173342490616 bên trong lắp sim số 0979.40.49.53 của Lê Xuân Q.

Ngày 05/8/2023, Trung tâm y tế thị xã K tiến hành test thử chất ma túy, kết quả: Lê Xuân Q, Vi Thị B, Lương Thị T6 và Ngô Văn T5 đều dương tính với 03 chất ma túy loại Ketamine (thường gọi là "Ke"); M (thường gọi là "đá") và MDMA (thường gọi là "kẹo")

Tại kết luận giám định số: 380/KL-KTHS, ngày 07/8/2023 của Phòng K1 - Công an tỉnh H kết luận: Chất tinh thể màu trắng bám dính bên trong túi nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1, gửi đến giám định là ma túy, loại Ketamine; chất tinh thể màu trắng bám dính trên bề mặt tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng và trên thẻ nhựa cứng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2 và M3, gửi đến giám định đều là ma túy loại Ketamine (lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng).

Tại kết luận giám định số 245/KL-KTHS ngày 11/9/2023, kết luận: 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng gửi đến giám định là tiền thật.

H2 lại đối tượng giám định gồm: 01 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì ký hiệu M1 niêm phong mẫu vật gửi giám định được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1; 01 thẻ nhựa cứng ngân hàng V2 mang tên "LE XUAN QUYEN" và 01 vỏ phong bì ký hiệu M3 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định, được niêm phong ký hiệu T3.

01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng và 01 túi giấy màu xanh ký hiệu A1 được niêm phong trong phong bì số 417/KL-KTHS.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 pro max màu tím 128GB, kèm sim thu của Lê Xuân Q;

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng kèm sim thu của T2 được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn quản lý.

01 phong bì số 245/KL-KTHS trong có số tiền 600.000 đồng;

Đối với chiếc bật lửa Quyền sử dụng đốt hơ đĩa sứ để sử dụng ma túy, khi T5 đi khỏi phòng hát đã cầm theo để hút thuốc lá, sau khi sử dụng hết ga, T5 đã vứt đi không rõ ở đâu nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số 113/CT-VKS ngày 29/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố Lê Xuân Q, Phạm Văn T2 và Vi Thị B về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự (sau đây gọi tắt là: BLHS).

Tại phiên toà:

* Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là: HĐXX) xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Xuân Q, Phạm Văn T2 và Vi Thị B phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo.

Xử phạt Lê Xuân Q từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/8/2023.

Xử phạt Phạm Văn T2 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/8/2023.

Xử phạt Vi Thị B từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/8/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (gọi tắt: BLTTHS):

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì ký hiệu M1; 01 vỏ phong bì ký hiệu M2; 01 thẻ nhựa cứng ngân hàng V2 mang tên "LE XUAN QUYEN" và 01 vỏ phong bì ký hiệu M3; 01 đĩa sứ hình tròn và 01 túi giấy màu xanh.

Tịch thu phát mại sung ngân sách Nnhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 pro max; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max; tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 đồng;

- Về án phí: Buộc bị cáo Q, T2 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí cho bị cáo B theo quy định khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

* Các bị cáo thành khẩn khai báo, công nhận Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố bị cáo về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS là đúng và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng:* Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS.

[2] Người bào chữa cho bị cáo B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và đã gửi bản bào chữa cho Tòa án, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa; người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điều 291; 293 BLTTHS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] *Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội và áp dụng pháp luật:* Lời khai tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, Kết luận giám định, Kết quả test ma túy và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 35 phút ngày 04/8/2023, tại phòng V quán K, ở thôn T, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Lê Xuân Q, Vi Thị B và Phạm Văn T2 có hành vi cung cấp chất ma túy loại Ketamine, Methamphetamine, MDMA và địa điểm để Q, B cùng Lương Thị T6 và Ngô Văn T5 sử dụng. Đến 21 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác thuộc Công an thị xã K phối hợp với Công an xã Q kiểm tra phát hiện, thu giữ vật chứng.

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn thực hiện để cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố để Toà án xét xử các bị cáo về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS là có căn cứ pháp luật.

[5]. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy: Bị cáo Lê Xuân Q là người khởi sướng, bỏ tiền ra mua ma túy giữ vai trò thứ nhất. Phạm Văn T2 và Vi Thị B là người giúp sức tích cực trong việc mua ma túy giúp Quyền, T2 để các đối tượng sử dụng ma túy tại quán. Do đó, T2 giữ vai trò thứ 2, bảo giữ vai trò cuối.

[6] *Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, HĐXX xác định là tội phạm rất nghiêm trọng. Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7]. Từ những nhận định trên, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt tù với thời gian phù hợp theo quy định tại Điều 38 BLHS đối với mỗi bị cáo để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật, đồng thời đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[8]. *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, bị cáo B là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] *Về biện pháp tư pháp:* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

[9.1] Các vật chứng không có giá trị sử dụng: 01 vỏ túi nilon màu trắng; 01 thẻ nhựa cứng ngân hàng V2 mang tên "LE XUAN QUYEN" và; 01 đĩa sứ hình tròn và 01 túi giấy màu xanh cần tịch thu cho tiêu hủy (tiêu hủy 03 vỏ phong bì ký hiệu M1; M2; M3 niêm phong gửi đi giám định đã hoàn lại)

[9.2] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 pro max Quyền sử dụng bật đèn soi để các đối tượng sử dụng ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max Toán sử dụng liên lạc mua ma túy cần tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước. Tiêu hủy phôi sim gắn kèm điện thoại.

[9.3] Số tiền 500.000 đồng là tiền Quyền để trả tiền hát, Quyền tự nguyện không nhận lại, đề nghị sung ngân sách Nhà nước, số tiền 100.000 đồng Quyền sử dụng quấn làm ống hút sử dụng ma túy. Do đó, tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 đồng.

[10] *Về án phí:* Các bị cáo Q, T2 bị kết án nên phải chịu án phí; bị cáo B là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí HSST cho bị cáo B theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[11]. Trong vụ án này,

11.1. Đối với Đỗ Văn T7, sinh năm 1981, trú tại: Thôn L, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương có hành vi bán chất ma tuý cho T2. Ngày 12/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với Đỗ Văn T7 về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý tuý" quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự để điều tra trong vụ án khác.

11.2. Đối với Lương Thị T6 được T2 nhờ cầm bao thuốc lá Thăng Long bên trong có chứa ma túy vào trong phòng hát; khi đưa T2 không nói bên trong có chất ma tuý, T6 nghĩ là thuốc lá của khách gọi đem vào phòng, không biết có ma tuý bên trong. Trong phòng hát, khi Q nói đi lấy đĩa sứ, T6 không biết mục đích của Q để đựng chất ma tuý, nên nói với B đi lấy đĩa sứ cho khách và lấy giấy vệ sinh để lau tay; đến khi Q đổ ma tuý ra đĩa thì T6 mới biết là lấy đĩa để đựng chất ma tuý. Do vậy, không có căn cứ hành vi của T6 đồng phạm với Q về

tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", nên không đặt ra việc xử lý đối với T6.

11.3. Đối với Ngô Văn T5 không tham gia bàn bạc, góp tiền, chuẩn bị công cụ, phương tiện hay có hành vi giúp sức cho việc sử dụng chất ma tuý. Do vậy, không có căn cứ T5 đồng phạm về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

11.4. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Xuân Q, Ngô Văn T5, Vi Thị B và Lương Thị T6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã K đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q, T5, B và T6.

11.5. Ông Vũ Văn H3, sinh năm 1967, trú tại: T, Q, K, Hải Dương cho T2 thuê nhà đất để kinh doanh karaoke. Ông H3 không biết T2 sử dụng phòng hát để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; căn cứ các điều 291; 293 của BLTTHS.

1/ Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Xuân Q, Phạm Văn T2 và Vi Thị B phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

2/ Về hình phạt:

- Xử phạt Lê Xuân Q 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/8/2023.
- Xử phạt Phạm Văn T2 07 năm 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/8/2023.
- Xử phạt Vi Thị B 07 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/8/2023.

3/ Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 vỏ túi nilon màu trắng; 01 thẻ nhựa cứng ngân hàng V2 mang tên "LE XUAN QUYEN" và; 01 đĩa sứ hình tròn và 01 túi giấy màu xanh (tiêu hủy 03 vỏ phong bì ký hiệu M1; M2; M3 niêm phong gửi đi giám định đã hoàn lại).
- Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 pro max; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max. Tiêu hủy phôi sim gắn kèm điện thoại.
- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 đồng;

(Vật chứng nêu trên hiện đang được lưu kho của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Đặc điểm vật chứng theo biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an thị xã K và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn ngày 13/12/2023).

4/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Xuân Q, Phạm Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vi Thị B.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CA thị xã Kinh Môn ;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Hải Dương;
- Nhà tạm giữ - CATX Kinh Môn
- Cơ quan THAHS, Tx Kinh Môn;
-Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Công bố trên CTTĐT- TANDTC.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc